

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311101 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011911	36CKT1	Tr n V ấ Gia B o	18/08/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
2	3673010308	36CKT1	Đi p T B i	21/10/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
3	3673011650	36CKT1	B ấ i Th M Duyệt	01/09/1994				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
4	3673010383	36CKT1	L² Th Thu Hà	03/07/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
5	3673010246	36CKT1	L² Th M H ng	08/03/1993				9.5			9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
6	3673011915	36CKT1	Phan Th Minh H ấ n	10/07/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
7	3673011158	36CKT1	Nguy n Th H u	28/03/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
8	3671010164	36CKT1	Phan Th H u	15/07/1994				9.5			9.5	2.9	9.0	6.3	9.2	
9	3673012052	36CKT1	Tr ng Th o Hi n	14/03/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
10	3673010016	36CKT1	Nguy n Trung Hi u	10/09/1993				0.0			0.0	0.0	7.0	4.9	4.9	
11	3673010106	36CKT1	Nguy n Th y Ng c Hi p	30/04/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
12	3673010363	36CKT1	L² Th Hoa	20/09/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
13	3673011120	36CKT1	Cao Nguy n Qu c Huy	02/12/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
14	3673011947	36CKT1	Nguy n Th Huy n	02/01/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
15	3673011637	36CKT1	Tr n Th Lan H ng	07/08/1994				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
16	3673010287	36CKT1	Nguy n Th Kim H ng	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	3.5	2.5	2.5	
17	3673010076	36CKT1	Tr n Ki t	17/05/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
18	3673010223	36CKT1	Nguy n Anh Khoa	16/06/1994				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
19	3673010165	36CKT1	ấ nh Tuy t Lan	16/05/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311101 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011500	36CKT1	Ch ấ Th Li ấ	10/10/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
21	3673010300	36CKT1	Ph m Th B ấ ch Li u	27/01/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
22	3673010333	36CKT1	ấ inh Th Thu ấ	Linh 26/07/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
23	3673010392	36CKT1	Nguy n Th Ng c	Linh 15/11/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
24	3673010240	36CKT1	H ng Gia L i	30/06/1994				7.0			7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
25	3673010125	36CKT1	Ph m Tu n L c	12/03/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
26	3673010109	36CKT1	Nguy n Th Ho ấ ng Mai	05/05/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
27	3673010228	36CKT1	Nguy n Ph ng Ki u M	16/05/1994				7.5			7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
28	3673011114	36CKT1	L u Th M	20/04/1994				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
29	3673010387	36CKT1	Nguy n Th M	08/03/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
30	3673010150	36CKT1	Nguy n Ho ấ ng Nam	15/12/1993				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
31	3673010255	36CKT1	Nguy n Kim Ng ấ n	13/11/1993				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
32	3673011111	36CKT1	Tr n Th H ng Ng c	22/09/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
33	3673010281	36CKT1	L 2 Th Th o Ng ấ y ấ n	19/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
34	3673011876	36CKT1	Nguy n Trung Ng ấ y ấ n	07/01/1994				6.5			6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
35	3673010173	36CKT1	Tr n Th o Ng ấ y ấ n	17/12/1994				8.5			8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
36	3673011882	36CKT1	L 2 Di p Ho ấ ng Oanh	23/04/1994				6.5			6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
37	3673011969	36CKT1	Nguy n Th Ng c Ph ng	00/00/1993				8.5			8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
38	3673010151	36CKT1	L 2 Th B ấ ch Ph ng	15/10/1994				9.5			9.5	2.9	5.0	3.5	6.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311101 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673011162	36CKT1	Nguy n Th C m Ph ng	15/06/1994				9.0			9.0	2.7	3.0	2.1	4.8	
40	3673010275	36CKT1	Ng» Th B'ch Ph ng	29/07/1994				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
41	3673011152	36CKT1	ấ ng Ng c Quyên	10/06/1994				7.5			7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
42	3673010339	36CKT1	Tr n M Quyên	03/02/1994				8.5			8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
43	3673010200	36CKT1	Nguy n B' Ti ấ n Qu ấ nh	14/07/1994				9.0			9.0	2.7	8.5	6.0	8.7	
44	3673010156	36CKT1	Nguy n Th Nh Qu ấ nh	27/07/1994				9.0			9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
45	3673011059	36CKT1	Nguy n Th ấ »ng Sa	20/10/1993				9.5			9.5	2.9	7.0	4.9	7.8	
46	3673010104	36CKT1	Tr n Th Ng c S ng	01/04/1994				9.5			9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
47	3673011946	36CKT1	Ph m Thanh Tâm	05/02/1994				9.5			9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
48	3673010271	36CKT1	Tr n ấ nh ấ i Tâm	02/12/1994				8.5			8.5	2.6	3.5	2.5	5.0	
49	3673011176	36CKT1	Nguy n Th Thu Tiên	04/09/1994				6.5			6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
50	3673010257	36CKT1	M Th Ti n	12/02/1992				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
51	3673010127	36CKT1	Hu ấ nh V ấ Tu n	11/12/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
52	3673011051	36CKT1	Tr n Tri u Tu n	20/04/1994				6.5			6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
53	3673010198	36CKT1	Nguy n Tr ng Tuy n Thanh	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	3673010039	36CKT1	Nguy n Th Kim Tuy n	27/09/1994				8.5			8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
55	3673010048	36CKT1	B ấ i Th Tuy t	20/12/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
56	3673011855	36CKT1	L ấ Hu ấ nh Thanh Tú	26/02/1994				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
57	3673012040	36CKT1	Nguy n Th Thanh	20/10/1994				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122167311101 - K t ãn th c ãng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673010161	36CKT1	Ph m V ã Ho ãng Thái	15/01/1994				9.5			9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
59	3673010261	36CKT1	Nguy n Th H ng Th m	27/04/1994				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
60	3673010030	36CKT1	Ng» Th Anh Th	02/09/1994				7.5			7.5	2.3	2.5	1.8	4.0	
61	3673011839	36CKT1	Nguy n Th Ng c Thu n	26/01/1994				7.5			7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
62	3673010245	36CKT1	V ½ Th Ng c Thuy n	01/12/1994				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
63	3673011134	36CKT1	ñ u Th Thu	22/12/1994				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
64	3673011916	36CKT1	H ng Th Thu Trang	08/03/1994				8.5			8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
65	3673010006	36CKT1	L ² Th Th ãy Trang	15/09/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
66	3673010251	36CKT1	Phan Thùy Trang	02/09/1994				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	
67	3673010343	36CKT1	Tr n Th Thu Trang	03/07/1993				9.5			9.5	2.9	3.0	2.1	5.0	
68	3673010059	36CKT1	Phan Th Ng c Trâm	18/11/1994				9.0			9.0	2.7	2.0	1.4	4.1	
69	3673010210	36CKT1	T ãng Ng c Trãn	23/05/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
70	3673011161	36CKT1	L ² V ã Tr ng	19/02/1992				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
71	3673011601	36CKT1	Th ãi Th Thanh Trú c	05/04/1993				9.5			9.5	2.9	8.5	6.0	8.8	
72	3673010194	36CKT1	ñ Th ãnh V ã	29/09/1994				9.5			9.5	2.9	3.5	2.5	5.3	
73	3673011168	36CKT1	Hu ãnh Ph ng Vi	19/06/1994				9.5			9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
74	3673010019	36CKT1	L ² T Th ¾y Vy	17/07/1993				9.5			9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
75	3673011842	36CKT1	Nguy n Kim Xinh	01/01/1994				8.5			8.5	2.6	3.5	2.5	5.0	
76	3673011508	36CKT1	H Th Xuãn	05/08/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122167311101 - K to n th c »ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673010101	36CKT1	ấ Ng c Y n	28/12/1994				9.0			9.0	2.7	3.5	2.5	5.2	

T ng s : 77 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vĩ n B M »n

Gi o V Khoa